

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN KINH TẾ HỌC KÈM ĐÁP ÁN VÀ LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1 : GDP danh nghĩa năm 1997 là 6000 tỷ . GDP danh nghĩa năm 1998 là 6500 tỷ . Chỉ số giá năm 1997 là 120. Chỉ số giá năm 1998 là 125 . Tỷ lệ tăng trưởng năm 1998 là:

- a. 8,33 %
- b. 4%
- c. 4,5%
- d. 10%

Đáp án Câu 1: b

Giải thích : $GDP_{thực} 1997 = 6000/120 = 50$ tỷ

* $GDP_{thực} 1998 = 6500/125 = 52$ tỷ

=> Tỷ lệ tăng trưởng = $(52-50)/50 \times 100\% = 4\%$

Câu 2: Cho biết tỷ lệ tiền mặt so với tiền gửi ngân hàng là 60% , tỷ lệ dự trữ ngân hàng so với tiền gửi ngân hàng là 20% . Ngân hàng trung ương bán ra 5 tỷ đồng trái phiếu sẽ làm cho khối tiền tệ:

- a. Tăng thêm 5 tỷ đồng
- b. Giảm bớt 5 tỷ đồng
- c. Giảm bớt 10 tỷ đồng
- d. Tăng thêm 10 tỷ đồng

Đáp án Câu 3: c

Giải thích: Theo đề bài ta có : $m = 60\% = 0,6$

$d = 20\% = 0,2$

$\Delta H = - 5$ (tỷ đồng)

Suy ra : kM

$$= (m+1)/(m+d) = (0,6+1)/(0,6+0,2) = 2$$

Do ở đây m và d không đổi nên ta có :

$$\Delta M1 = km$$

$$\Delta H = 2 \times (-5) = -10$$

Câu 4 : Sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng khác nhau ở:

- Mục đích sử dụng
- Thời gian tiêu thụ
- Độ bền trong quá trình sử dụng
- Cả 3 câu đều đúng

Đáp án Câu 4: d

Giải thích:

Khác nhau	Sản phẩm trung gian	Sản phẩm cuối cùng
Mục đích sử dụng	- Mang tính chất tạm thời , được dùng để chuyển tải hoặc biến đổi để thành sản phẩm cuối cùng	- Mang t/c lâu dài , là mục đích của SX , sử dụng
Thời gian tiêu thụ	- Thông thường ngắn hạn hoặc trung hạn	- Dài hạn
Độ bền trong quá trình sử dụng	- Thông thường chỉ dùng được trong thời gian ngắn (tuy nhiên còn phụ thuộc vào các yếu tố như : quá trình sử dụng , chất liệu cấu thành...)	- Được dùng trong thời gian dài (cũng phụ thuộc vào các yếu tố như sản phẩm trung gian)

Câu 5 : Ngân hàng trung ương có thể làm thay đổi cung nội tệ bằng cách:

- Mua hoặc bán trái phiếu chính phủ
- Mua hoặc bán ngoại tệ
- a và b đều đúng
- a và b đều sai

Đáp án Câu 5: c

Giải thích: Khi muốn thay đổi lượng cung nội tệ , NHTW có thể mua hoặc bán

trái phiếu chính phủ hoặc ngoại tệ vì :

+ Trái phiếu chính phủ :

- Bán : người dân sẽ dùng nội tệ để mua => lượng nội tệ ngoài thị trường

- Mua : Người dân sẽ bán trái phiếu lại cho chính phủ => Chính phủ sẽ đưa một lượng nội tệ ra để mua lại trái phiếu => lượng cung nội tệ

+ Ngoại tệ

- Bán : Người dân có xu hướng dùng nội tệ mua ngoại tệ để tích lũy hoặc trao đổi mua bán => lượng cung nội tệ

- Mua : Chính phủ dùng nội tệ mua ngoại tệ => lượng cung nội tệ

Ở đây có thể xét rộng hơn là : các doanh nghiệp tư nhân , doanh nghiệp NN...

Câu 6: GDP thực và GDP danh nghĩa của một năm bằng nhau nếu:

- Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm trước
- Tỷ lệ lạm phát của năm hiện hành bằng tỷ lệ lạm phát của năm gốc
- Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm trước
- Chỉ số giá của năm hiện hành bằng chỉ số giá của năm gốc

Đáp án Câu 6: d

Giải thích: Vì chỉ số giá được tính bởi tỉ số giữa GDP danh nghĩa với GDP thực

Câu 7 : Trong cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi hoàn toàn

- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia thay đổi tùy theo diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia tăng khi tỷ giá hối đoái giảm
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia không thay đổi , bất luận diễn biến trên thị trường ngoại hối
- Dự trữ ngoại tệ của quốc gia giảm khi tỷ giá hối đoái tăng

Đáp án Câu 7: a

Giải thích: Thị trường ngoại hối là thị trường mua bán ngoại tệ . Ví dụ như : nếu

ngoại tệ có xu hướng nhiều ngoài thị trường thì nhà nước dùng nội tệ để mua ngoại tệ nhằm ổn định thị trường ngoại hối => dự trữ ngoại tệ . Và ngược lại

Câu 8 : Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không thay đổi đáng kể , tốc độ tăng giá trong nước nhanh hơn giá thế giới, sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ:

- a. Tăng
- b. Giảm
- c. Không thay đổi
- d. Không thể kết luận

Đáp án Câu 8: d

Giải thích: Nếu tỷ giá hối đoái danh nghĩa không đổi tốc độ giá trong nước nhanh hơn giá Thế giới , sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước sẽ còn phụ thuộc vào tỉ giá hối đoái của trong nước so với nước ngoài, phụ thuộc vào yếu tố môi trường , thị hiếu...

Câu 9: Tỷ giá hối đoái thay đổi sẽ ảnh hưởng đến:

- a. Cán cân thương mại
- b. Cán cân thanh toán
- c. Sản lượng quốc gia
- d. Cả 3 câu đều đúng

Đáp án Câu 9: d

Giải thích: Vì cán cân thương mại , cán cân thanh toán và sản lượng quốc gia đều có liên quan đến việc mua bán , trao đổi , xuất nhập khẩu trong nước và nước ngoài => liên quan đến mối quan hệ giữa nội tệ và ngoại tệ => tỷ giá hối đoái

Câu 10: Hàm số tiêu dùng: $C = 20 + 0,9Y$ (Y là thu nhập) . Tiết kiệm (S) ở mức thu nhập khả dụng 100 là:

- a. $S = 10$
- b. $S = 0$

c. $S = -10$

d. Không thể tính được

Đáp án Câu 10: d

Giải thích: Cho : $C = 20 + 0.9Y$ (Y là thu nhập)

$$Y_d = 100$$

$$\text{Ta có : } Y_d = C + S$$

$$S = Y_d - C$$

$$= 100 - 20 - 0,9Y$$

$$= 100 - 20 - 0,9 (Y_d + T)$$

$$= 80 - 0,9 (100 + T)$$

$$= 80 - 90 - 0,9T$$

$$= -10 - 0,9T$$

Vì thiếu T nên không thể tính S ở mức $Y_d = 100$ này được (Do Y trong $C = 20 + 0,9Y$ là thu nhập ; $Y \neq Y_d$)

Câu 11: Theo lý thuyết xác định sản lượng (được minh họa bằng đồ thị có đường 45°), nếu tổng chi tiêu theo kế hoạch (tổng cầu dự kiến) lớn hơn GDP thực (hoặc sản lượng) thì:

- Các doanh nghiệp sẽ giảm sản lượng để giải phóng thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến
- Các doanh nghiệp sẽ tăng hoặc giảm sản lượng tùy theo tình hình tồn kho thực tế ít hơn hay nhiều hơn mức tồn kho dự kiến
- Các doanh nghiệp sẽ không thay đổi sản lượng vì tồn kho thực tế đã bằng mức tồn kho dự kiến
- Các doanh nghiệp sẽ tăng sản lượng để bổ sung tồn kho cho đủ mức tồn kho dự kiến

Đáp án Câu 11: a

Giải thích: $AD_{thực} < AD_{dự\ kiến}$ => hàng hóa doanh nghiệp sx theo AD dự kiến sẽ bị tồn kho => để không bị đọng trong Sx, doanh nghiệp sẽ sản lượng để GP thặng dư tồn kho so với mức tồn kho dự kiến

Câu 12: Chính sách tài chính là một công cụ điều hành kinh tế vĩ mô vì:

- Sự thay đổi thuế và chi tiêu ngân sách của chính phủ có tác động đến mức giá, mức GDP và mức nhân dụng
- Việc đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu là cần thiết để tăng trưởng kinh tế
- Sự thay đổi lãi suất tín phiếu kho bạc có tác động đến mức huy động vốn tài trợ cho bội chi ngân sách của chính phủ
- Việc điều chỉnh lượng phát hành tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế

Đáp án Câu 12: d

Giải thích: Chú ý rằng tín phiếu kho bạc và công trái quốc gia cũng là quyền lợi và nghĩa vụ của công dân khi sở hữu, do đó có vai trò rất quan trọng trong ổn định kinh tế

Câu 13: Tính theo chi tiêu (Tính theo luồng sản phẩm) thì GDP là tổng cộng của:

- Tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu ròng
- Tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ để mua sản phẩm và dịch vụ, xuất khẩu
- Tiêu dùng, đầu tư, chi chuyển nhượng của chính phủ, xuất khẩu ròng
- Tiêu dùng, đầu tư, chi chuyển nhượng của chính phủ, xuất khẩu

Đáp án Câu 12: a

Giải thích: Vì theo phân tích thì

$GDP = C + I + G + X - M$ (theo chi tiêu)

Trong đó

C : tiêu dùng

I : đầu tư

G : chi tiêu của chính phủ

X - M : xuất khẩu ròng

X : xuất khẩu

M : nhập khẩu

Câu 13: Đường LM dịch chuyển khi các yếu tố sau thay đổi

- a. Thuế
- b. Cung tiền. Lãi suất
- d. Yếu tố khác

Đáp án Câu 13: b

Giải thích: Đường LM được hình thành trong điều kiện lượng cung tiền S^M

là không đổi . Nên khi thay đổi cung tiền thì LM sẽ dịch chuyển

Câu 14: Nếu chính phủ tăng chi tiêu đầu tư vào các công trình công cộng bằng toàn bộ nguồn tiền bán trái phiếu của chính phủ trên thị trường: Kết quả là

- a. Sản lượng và lãi suất đều tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất không đổi
- c. Sản lượng giảm , lãi suất giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất tăng

Đáp án Câu 15: a

Giải thích: Khi chính phủ tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng

tăng , nên lượng cầu và tiền gia tăng , với lượng cung tiền cố định , nên lãi suất phải tăng để giảm bớt lượng cầu

Câu 16: Ý nghĩa thành lập đường IS là phản ánh sự tác động của:

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Đáp án Câu 16: b

Giải thích: Khi lãi suất tăng hay giảm đều tác động đến chi tiêu của các hộ gia đình từ đó tác động đến mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa và dịch vụ

Câu 17: Ý nghĩa thành lập đường LM là để phản ánh sự tác động của:

- a. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường tiền tệ
- b. Lãi suất vào mức sản lượng cân bằng trên thị trường hàng hóa
- c. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng thị trường tiền tệ
- d. Sản lượng vào mức lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa

Đáp án Câu 17: c

Giải thích: Khi sản lượng tăng, giảm sẽ tác động đến cầu tiền, nên lãi suất sẽ thay đổi

Câu 18: Để thực hiện kích cầu, chính sách nào sau đây hiệu quả nhất

- a. Chính phủ tăng chi, giảm thu, NHTW tăng dự trữ bắt buộc đối với HTM
- b. Chính phủ tăng chi, giảm thu, NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường mở
- c. Chính phủ tăng chi, giảm thu, NHTW giảm lãi suất chiết khấu đối với NHTM
- d. Chính phủ tăng chi, giảm thu, NHTW bán chứng khoán chính phủ trên thị trường mở

Đáp án Câu 18: b

Giải thích: Để kích cầu chính phủ phải đưa tiền ra thị trường nên chính phủ phải tăng chi tiêu, giảm thu và NHTW mua chứng khoán chính phủ trên thị trường

Câu 19: Trong điều kiện giả định các yếu tố không đổi , một sự cắt giảm chi tiêu hàng hóa và dịch vụ của chính phủ sẽ :

- a. Dịch chuyển đường IS sang phải
- b. Dịch chuyển đường IS sang trái
- c. Dịch chuyển đường IS sang trái và đường LM sang phải
- d. Dịch chuyển đường LM sang trái và đường IS sang phải

Đáp án Câu 19: b

Giải thích: Khi có các nhân tố khác lãi suất tác động làm thay đổi tổng cầu AD thì IS sẽ dịch chuyển tương ứng với sự dịch chuyển của đường AD . Nếu tổng giảm thì đường AD dịch chuyển xuống dưới , đường IS dịch chuyển sang trái

Câu 20: Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng thuế:

- a. Sản lượng tăng , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân tăng
- b. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư ngân hàng giảm
- c. Sản lượng giảm , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- d. Sản lượng giảm , lãi suất giảm , đầu tư tư nhân giảm

Đáp án Câu 20: d

Giải thích: Khi tăng lượng cung tiền thì lãi suất giảm , nhưng do tăng thuế nên đầu tư tư nhân giảm dẫn đến sản lượng sẽ giảm

Câu 21: Khi NHTW tăng lượng cung tiền và chính phủ tăng chi tiêu:

- a. Sản lượng tăng , lãi suất có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi
- b. Sản lượng có thể giảm , hoặc tăng hoặc không đổi , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm
- c. Sản lượng tăng , lãi suất tăng , đầu tư tư nhân giảm vì chính sách tài khóa luôn tác động mạnh hơn chính sách tiền tệ
- d. Không thể kết luận

Đáp án Câu 21: a

Giải thích: Khi chính phủ tăng chi tiêu các doanh nghiệp bán được hàng nên tăng sản xuất từ đó tăng cầu tiền, tăng lãi suất nhưng khi NHTW tăng cung tiền thì lãi suất có thể tăng hoặc giảm hoặc không đổi tùy vào lượng cung tiền

Câu 22: Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi:

- Sự cân bằng trên thị trường tiền tệ, nhưng tổng cầu cung phải vượt quá để khỏi thiếu hụt hàng hóa
- Tổng thu nhập phải bằng với tổng chi tiêu, nhưng cầu tiền phải vượt qua để tránh lạm phát
- Sự cân bằng độc lập của cả hai thị trường: thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ
- Sự cân bằng đồng thời có ở cả hai thị trường: thị trường tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Đáp án Câu 22: d

Giải thích: Điểm cân bằng chung cho một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự cân bằng đồng thời cả hai thị trường: tiền tệ và thị trường hàng hóa – dịch vụ

Câu 23: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM, để đạt sự cân bằng chung:

- Sản lượng sẽ tăng và lãi suất giảm
- Sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng
- Sản lượng sẽ giảm và lãi suất giảm
- Sản lượng sẽ giảm và lãi suất tăng

Đáp án Câu 23: b

Giải thích: Khi nền kinh tế nằm phía bên trái của đường IS và trên đường LM để đạt được sự cân bằng chu thì sản lượng sẽ tăng và lãi suất tăng

Câu 24: Giả sử do dự kiến về tương lai tốt đẹp nên tiêu dùng của dân chúng gia tăng khi đó:

- a. IS dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất tăng
- b. IS dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất giảm
- c. LM dịch sang phải , sản lượng tăng , lãi suất giảm
- d. LM dịch sang trái , sản lượng giảm , lãi suất tăng

Đáp án Câu 24: a

Giải thích: Vì khi tăng chi tiêu đã làm tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , nên lượng cung về tiền gia tăng mà nếu lượng cung tiền ổn định thì lãi suất phải tăng

Câu 25: Khi nền kinh tế nằm phía phải của đường LM:

- a. Thị trường hàng hóa có cầu vượt quá , thị trường tiền tệ có cung vượt quá
- b. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cầu vượt quá
- c. Thị trường hàng hóa có cung vượt quá , thị trường tiền tệ có cầu vượt quá
- d. Thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ đều có cung vượt quá

Đáp án Câu 25: c

Giải thích: Vì khi LM nằm bên phải là lượng cung tiền tăng lên , lãi suất giảm kích thích nhà đầu tư tăng , tổng cầu tăng , sản lượng cân bằng tăng , tăng cầu tiền

Câu 26: Trên đường LM:

- a. Sản lượng luôn cân bằng , lãi suất có thể cân bằng , có thể không
- b. Lãi suất luôn cân bằng , sản lượng có thể cân bằng , có thể không
- c. Sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng. Sản lượng và lãi suất đều không cân bằng

Đáp án Câu 26: b

Giải thích: Vì theo khái niệm đường LM là tập hợp các tổ hợp khác nhau giữa sản lượng và lãi suất mà tại đó thị trường tiền tệ cân bằng

Câu 27: Điểm cân bằng trong mô hình IS – LM thể hiện:

- a. Tổng thu nhập bằng với tổng chi
- b. Cung tiền và cầu tiền bằng nhau
- c. a hoặc b
- d. a và b

Đáp án Câu 27: d

Giải thích: Vì chính phủ đưa phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để giải quyết các vấn đề về kinh tế và đưa nền kinh tế ổn định nên điểm gặp nhau của IS – LM tổng thu nhập bằng với tổng chi , cung tiền bằng cầu tiền tại đó không có biến động về tiền

Câu 28: Đường IS dốc xuống thể hiện:

- a. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa lãi suất và sản lượng cân bằng
- b. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất cân bằng
- c. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng và lãi suất
- d. Mỗi quan hệ nghịch biến giữa sản lượng cân bằng và lãi suất cân bằng

Đáp án Câu 28: a

Giải thích: Đường IS dốc xuống biểu thị lãi suất cao hơn sẽ kéo theo sản lượng cân bằng thấp hơn

Câu 29: Đường LM dốc lên thể hiện

- a. Khi sản lượng tăng thì lãi suất tăng
- b. Khi lãi suất tăng thì sản lượng tăng
- c. Khi sản lượng tăng thì lãi suất cân bằng tăng
- d. Khi lãi suất tăng thì sản lượng cân bằng tăng

Đáp án Câu 29: c

Giải thích: Đường LM dốc lên thể hiện khi sản lượng cao hơn sẽ đòi hỏi lượng cầu tiền cao hơn , để giảm bớt cầu tiền , lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ sẽ tăng

Câu 30: Trong mô hình IS – LM , khi chính phủ tăng chi tiêu đầu tư và NHTW tăng lãi suất chiết khấu

- a. Lãi suất tăng , sản lượng giảm
- b. Lãi suất giảm , sản lượng tăng
- c. Sản lượng tăng , lãi suất không thể xác định rõ vì còn tùy
- d. Lãi suất tăng , sản lượng không thể xác định rõ vì còn tùy

Đáp án Câu 30: d

Giải thích: Vì khi NHTW tăng chiết khấu lên thì lãi suất sẽ tăng , còn về sản lượng còn tùy thuộc vào chi tiêu của chính phủ.